

71	HSO268690063492	010428	Nguyễn Hà My	10/09/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Ngữ Văn	7.00	7.00	8.25	8.00		9.9	9.9	38.25
72	HSO268690057253	010418	Nguyễn Thùy Lâm	29/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	7.25	8.00	9.00	7.00	TT04	9.8	9.9	38.25
73	HSO268690079748	010441	Nguyễn Bảo Như	29/08/2011	Trường THCS Tân Thạch	Ngữ Văn	6.50	7.25	9.25	7.25	TT03	9.8	9.9	37.50
74	HSO268690084587	010469	Nguyễn Ngọc Anh Tuệ	01/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	7.00	5.75	8.25	7.75		9.5	9.5	36.50
75	HSO268690050933	010425	Trần Lê Ngọc Mai	19/04/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Ngữ Văn	7.50	6.75	6.50	7.75	TT04	9.4	9.8	36.25
76	HSO268690053878	010457	Bùi Minh Thư	24/05/2011	Trường THCS Lê Hoàng Chiếu	Ngữ Văn	6.50	5.75	7.25	8.00		10	9.8	35.50
77	HSO268690051012	010398	Võ Thị Thúy An	17/04/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Ngữ Văn	5.75	7.00	7.75	7.50	TT04	9.9	9.9	35.50
78	HSO268690053788	010471	Đoàn Ngọc Tuyền	06/08/2011	Trường THCS Tân Trung	Ngữ Văn	7.75	5.50	8.75	6.75		9.8	9.9	35.50
79	HSO268690062590	010436	Nguyễn Huỳnh Lam Ngọc	02/09/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Ngữ Văn	6.75	6.50	9.25	6.50	TT04	9.7	9.9	35.50
80	HSO268690060690	010464	Phạm Bảo Trân	06/03/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Ngữ Văn	9.25	5.25	7.25	6.75	TT04	9.7	9.8	35.25
81	HSO268690058517	010467	Nguyễn Bùi Thanh Trúc	07/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	8.00	5.00	8.00	7.00	TT03	9.7	9.8	35.00
82	HSO268690072996	010475	Đỗ Ngọc Phương Vy	16/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	7.00	5.75	7.50	7.25	TT04	9.7	9.7	34.75
83	HSO268690050789	010433	Châu Lê Như Ngọc	26/04/2011	Trường THCS Phú Hưng	Ngữ Văn	6.25	7.00	6.25	7.50		9.9	9.8	34.50
84	HSO268690074041	010399	Diệp Phạm Quỳnh Anh	13/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	5.75	5.75	8.50	7.25	TT03	9.8	9.9	34.50
85	HSO268690054588	010447	Nguyễn Như Phúc	17/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.00	5.75	9.25	6.50	TT04	9.6	9.6	34.00
86	HSO268690079838	010409	Huỳnh Ngọc Hân	19/07/2011	Trường THCS Tân Thạch	Ngữ Văn	6.75	4.75	9.25	6.50		8.5	9.4	33.75
87	HSO268690061428	010451	Trần Hoàng Quân	15/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.25	4.75	8.00	7.25	TT04	9.6	9.6	33.50
88	HSO268690080135	010477	Trần Ngọc Khánh Vy	28/04/2011	Trường THCS Tân Thạch	Ngữ Văn	6.25	6.25	7.00	7.00		9.2	9.6	33.50
89	HSO268690049638	010408	Ngô Việt Hào	29/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.00	6.25	7.75	6.75		8.9	9.4	33.50
90	HSO268690051994	010450	Phan Hà Phương	04/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	5.75	4.75	7.25	7.75		9.4	9.6	33.25
91	HSO268690057281	010432	Lê Nguyễn Xuân Nghi	29/04/2011	Trường TH-THCS An Hiệp	Ngữ Văn	6.00	6.25	7.00	7.00		9.4	9.7	33.25
92	HSO268690049560	010462	Trần Vĩnh Quỳnh Trâm	26/11/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Ngữ Văn	5.50	7.75	7.25	6.25		9.9	9.6	33.00
93	HSO268690050008	010453	Nguyễn Phạm Xuân Quỳnh	21/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.25	2.75	9.25	7.25		9.1	9.2	32.75
94	HSO268690088681	010414	Huỳnh Tấn Kim Khôi	05/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.75	4.25	8.25	6.75		9.3	9.4	32.75
95	HSO268690088914	010416	Phạm Ngọc Thiên Kim	27/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	6.50	6.00	7.25	6.50	TT04	9.7	9.8	32.75
96	HSO268690049150	010401	Võ Thị Nguyệt Ánh	07/09/2011	Trường THCS Nguyễn Thị Hai	Ngữ Văn	6.25	6.75	7.25	6.25		10	10	32.75
97	HSO268690080105	010460	Phạm Nguyễn Đan Thư	09/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Ngữ Văn	6.50	7.00	7.75	5.75		9.2	9.7	32.75
98	HSO268690073572	010449	Nguyễn Thị Trúc Phương	30/05/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	Ngữ Văn	5.50	6.50	5.25	7.50		9.2	9.5	32.25
99	HSO268690050875	010407	Nguyễn Ngọc Khánh Đoàn	19/09/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Ngữ Văn	6.75	4.75	7.25	6.75		9.5	9.8	32.25
100	HSO268690084321	010421	Nguyễn Phạm Phi Long	20/05/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Ngữ Văn	7.00	6.25	7.00	6.00	TT04	9.8	9.8	32.25
101	HSO268690058061	010397	Thái Nguyễn Lâm An	15/04/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	Ngữ Văn	4.50	6.75	9.50	5.75		9.5	9.7	32.25
102	HSO268690054558	010465	Văng Thị Bảo Trân	30/01/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Tư	Ngữ Văn	8.00	4.25	7.00	6.25		10	9.9	31.75
103	HSO268690058996	010437	Nguyễn Ngọc Thanh Nguyên	20/11/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Giồng Trôm	Ngữ Văn	6.75	6.00	7.50	5.75		9.7	9.4	31.75
104	HSO268690063286	010438	Nguyễn Thảo Nguyên	23/09/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Ngữ Văn	6.50	4.50	7.50	6.50		9.2	9.7	31.50
105	HSO268690053759	010347	Nguyễn Lê Hạnh Tiên	23/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.75	8.75	8.25	10.00	TT03	9.5	9.5	43.75
106	HSO268690048869	010342	Phan Nguyễn Đan Thanh	19/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	7.75	8.00	9.75	9.00	TT02	9.8	9.7	43.50
107	HSO268690092095	010341	Võ Phạm Như Quỳnh	16/09/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Sinh học	7.25	7.25	9.00	9.25	TT03	9.3	9.7	42.00

108	HSO268690064719	010333	Đoàn Thị Hà Như	24/10/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Sinh học	7.25	6.25	8.75	9.75	TT03	10	9.9	41.75
109	HSO268690049723	010324	Phan Đào Huỳnh Nga	03/12/2011	Trường THCS Vang Quới	Sinh học	5.25	7.00	8.75	9.75		10	9.7	40.50
110	HSO268690059740	010304	Mai Hoàng Khánh Hân	28/02/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Sinh học	6.50	6.00	9.25	9.25		10	10	40.25
111	HSO268690092354	010352	Trần Thụy Hạ Vũ	15/04/2011	Trường Tiểu học-Trung học cơ sở Nhơn Thôn	Sinh học	6.50	6.75	7.25	9.75	TT04	9.6	9.4	40.00
112	HSO268690058843	010299	Trần Khang Duy	07/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	5.75	7.25	10.00	8.50	TT02	10	9.8	40.00
113	HSO268690075554	010330	Nguyễn Bích Ngọc	04/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	5.50	6.75	8.00	9.75	TT03	9.7	9.5	39.75
114	HSO268690073325	010326	Nguyễn Phương Ngọc Ngân	16/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	5.50	6.00	9.25	9.50	TT03	9.8	9.6	39.75
115	HSO268690068426	010339	Nguyễn Mai Phương	11/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.25	8.25	8.25	8.25	TT03	9.9	9.6	39.25
116	HSO268690071468	010314	Phạm Minh Khôi	29/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.25	6.50	8.75	8.75		9.9	9.7	39.00
117	HSO268690084577	010301	Trịnh Minh Đức	15/05/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Sinh học	6.25	6.00	9.00	8.75	TT03	9.8	9.8	38.75
118	HSO268690051905	010321	Hồ Xuân Mai	24/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.08	6.75	8.50	8.50	TT02	9.5	9.6	38.33
119	HSO268690087758	010315	Trần Thụy Nhã Kỳ	07/09/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Sinh học	6.50	6.00	6.75	9.25	TT04	9.9	9.5	37.75
120	HSO268690055342	010300	Đặng Thùy Dương	05/11/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Sinh học	6.25	5.75	7.75	9.00	TT03	9.8	9.7	37.75
121	HSO268690053948	010320	Trần Phú Lộc	28/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.00	6.00	7.00	9.00		9.9	9.6	37.00
122	HSO268690074432	010311	Nguyễn Phương Huỳnh	19/10/2011	Trường THCS Hồ Hảo Hớn	Sinh học	5.75	5.50	6.75	9.25		9.7	9.8	36.50
123	HSO268690075555	010348	Nguyễn Minh Tiến	23/02/2011	THCS LÊ THỊ TIẾN	Sinh học	7.00	6.00	7.50	8.00		9.6	9.5	36.50
124	HSO268690050150	010312	Lê Quỳnh Hương	15/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	7.25	6.75	7.25	7.50	TT04	9.6	9.5	36.25
125	HSO268690091529	010313	Hồ Nguyễn Duy Khiêm	14/07/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Sinh học	6.50	7.25	4.00	8.50		9.4	9.6	34.75
126	HSO268690054474	010331	Lê Hồ Hải Nguyên	16/05/2011	Trường Trung học cơ sở Thạnh Phú Đông	Sinh học	4.50	7.75	7.00	7.75		9.9	9.5	34.75
127	HSO268690049664	010322	Lê Ngọc Diễm My	12/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	4.75	6.25	8.00	7.75		9.8	9.5	34.50
128	HSO268690051334	010338	Nguyễn Ngọc Xuân Phước	30/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	7.00	5.50	7.00	7.50		9.7	9.7	34.50
129	HSO268690069637	010343	Thái Võ Anh Thơ	06/12/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Giồng Trôm	Sinh học	6.00	7.25	6.25	7.50		9.3	9.5	34.50
130	HSO268690054143	010296	Lê Khánh Bằng	29/01/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Phú Khánh	Sinh học	7.00	4.50	6.75	8.00		10	9.8	34.25
131	HSO268690069406	010329	Lê Nguyễn Yến Ngọc	03/01/2011	Trường THCS Phú Hưng	Sinh học	5.50	4.75	9.50	7.25		9.7	9.3	34.25
132	HSO268690070340	010293	Đặng Phương Bảo	22/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.50	6.00	6.50	7.50		9.4	9.5	34.00
133	HSO268690051104	010337	Lương Như Phụng	08/11/2011	Trường THCS Nguyễn Thị Hai	Sinh học	6.00	4.50	9.25	7.00		9.7	9.9	33.75
134	HSO268690066264	010307	Võ Huỳnh Bảo Ngọc Hân Hân	12/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.00	4.75	7.50	7.50		9.4	9.3	33.25
135	HSO268690076650	010294	Hồ Phan Quốc Bảo	11/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.50	5.50	5.00	8.00	TT04	9.6	9.1	33.00
136	HSO268690089464	010351	Nguyễn Khánh Trinh	11/02/2011	Trường THCS Tân Thạch	Sinh học	5.25	6.75	8.00	6.50		9.6	9.4	33.00
137	HSO268690051705	010346	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	26/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Sinh học	6.25	4.75	7.25	7.00		9.7	9.4	32.25
138	HSO268690056734	010319	Võ Ngọc Tường Linh	05/10/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Sinh học	5.25	6.00	4.25	8.25		9.8	9.5	32.00
139	HSO268690072292	010340	Đỗ Quyền	22/12/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Sinh học	5.50	3.50	8.00	7.50	TT04	8.9	9.3	32.00
140	HSO268690051035	010363	Lê Trương Thành Đạt	18/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.25	8.75	9.25	9.55		10	9.7	42.35
141	HSO268690068469	010390	Nguyễn Thanh Trúc	18/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.50	7.25	9.50	9.75	TT01	10	9.5	41.75
142	HSO268690056356	010391	Từ Xuân Tú	09/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.50	8.00	9.25	9.45	TT03	10	9.6	41.65
143	HSO268690063749	010387	Nguyễn Mai Thanh	07/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	6.75	8.00	9.00	8.75	TT04	10	9.8	41.25
144	HSO268690092616	010372	Bùi Nguyễn Phúc Khang	13/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	7.50	7.25	9.50	8.00	TT02	10	9.9	40.25